

Bản án số: 13/2020/HNGĐ-ST

Ngày 15 tháng 6 năm 2020

V/v: “*Tranh chấp ly hôn*”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN L, TỈNH V**

- *Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:*

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Bà Ngô Thị Minh Hiệp

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Nguyễn Trung Thành

2. Bà Nguyễn Thị Tuyết.

- *Thư ký phiên tòa:* Bà Khương Thị Phụng, Thư ký Tòa án nhân dân huyện L, tỉnh V.

- *Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện L tham gia phiên tòa:* Bà Trần Thị Thúy Nga - Kiểm sát viên

Ngày 15 tháng 6 năm 2020, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện L, tỉnh V xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 38/2020/TLST-HNGĐ ngày 20 tháng 02 năm 2020 về tranh chấp “Ly hôn” theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 38/2020/QĐXX-ST ngày 25 tháng 5 năm 2020 giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Anh Dương Văn M, sinh năm 1982, có mặt.

Nơi cư trú: Thôn Đ, thị trấn Y, huyện Y, tỉnh V.

- Bị đơn: Chị Nguyễn Thị Th, sinh năm 1986, vắng mặt.

Nơi cư trú: Thôn V, xã L, huyện L, tỉnh V.

NỘI DUNG VỤ ÁN

Trong đơn xin ly hôn đề ngày 18 tháng 02 năm 2020 và các lời khai tiếp theo trong quá trình giải quyết vụ án cũng như tại phiên tòa sơ thẩm, nguyên đơn là anh Dương Văn M trình bày:

Anh kết hôn với chị Nguyễn Thị Th ngày 03/4/2019 có đăng ký kết hôn tại UBND thị trấn Y, huyện Y, tỉnh V. Trước khi kết hôn hai bên có được tự do tìm hiểu

thỏa thuận. Kết hôn xong, chị Th về gia đình anh làm dâu ngay và sống chung cùng gia đình anh. Quá trình chung sống vợ chồng hạnh phúc được khoảng 03 tháng thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân mâu thuẫn vợ chồng là do chị Th không chịu làm ăn, vun vén kinh tế gia đình mà chị chỉ ở nhà chơi, anh đã khuyên bảo nhiều lần nhưng chị Th vẫn không thay đổi, từ đó dẫn đến vợ chồng xảy ra mâu thuẫn, bất đồng quan điểm sống, không có tiếng nói chung. Trong thời gian vợ chồng sống chung, chị Th đã 03 lần bỏ nhà đi: Lần thứ nhất chị Th bỏ đi vào tháng 6/2019 đến gần một tháng chị lại về, lần đó chị Th đã làm đơn ly hôn, sau đó mọi người khuyên giải nên chị Th lại rút đơn. Lần 2 chị Th bỏ đi một tuần rồi lại về. Lần 3 chị Th bỏ đi khỏi nhà anh từ tháng 11/2019 đến nay chị Th không quay về, không liên lạc gì với anh, anh lên nhà chị Th nói chuyện để hàn gắn tình cảm vợ chồng nhưng chị Th trốn tránh không gặp anh. Nay xét thấy tình cảm vợ chồng không còn, không thể hàn gắn tình cảm nên anh xin được ly hôn chị Th.

Về con chung: vợ chồng anh chưa có con chung, nên anh không đề nghị Tòa án giải quyết.

Con riêng: Anh có 02 con riêng nhưng anh không đề nghị Tòa án giải quyết.

Tài sản chung, tài sản riêng, công nợ, công sức: Anh không đề nghị Tòa án giải quyết.

Bị đơn chị Nguyễn Thị Th mặc dù đã được Tòa án triệu tập hợp lệ nhiều lần, nhưng chị Th đều cố tình trốn tránh, vắng mặt không có lý do. Qua xác minh tại UBND xã L và gia đình chị Th cho biết: Nguyên nhân mâu thuẫn vợ chồng giữa anh M và chị Th địa phương và gia đình không nắm được. Từ khi chị Th bỏ về nhà bố mẹ đẻ, vợ chồng sống ly thân thì gia đình có nghe chị Th kể lại việc vợ chồng có mâu thuẫn xuất phát từ việc chị Th có thai nhưng anh M không cho đẻ mà chị Th phải phá thai để chị Th phải nuôi con riêng của anh M. Khi chị Th bỏ về, anh M có lên nhà bố mẹ đẻ chị Th bảo chị Th về nhưng chị Th không về. Khi anh M làm đơn ly hôn chị Th, Tòa án có thông báo đến gia đình, có triệu tập chị Th về làm việc, gia đình có báo cho chị Th biết nhưng chị đi làm ăn nên không đến Tòa làm việc được. Nay anh M xin ly hôn, gia đình đề nghị giải quyết theo quy định của pháp luật, gia đình không có ý kiến gì vì giữa anh M và chị Th cũng không có con chung.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện L phát biểu về việc chấp hành pháp luật của Hội đồng xét xử, Thẩm phán, Thư ký trong quá trình giải quyết vụ án kể từ khi thụ lý cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án: Đã tuân thủ đúng quy định của pháp luật.

Ý kiến của Viện kiểm sát về việc giải quyết vụ án: Chấp nhận đơn khởi kiện của anh Mạnh, cho anh M được ly hôn chị Th, án phí anh M phải chịu theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án, được thẩm tra tại phiên tòa; căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1]. Về tố tụng: Anh Dương Văn M xin ly hôn chị Nguyễn Thị Th trú tại thôn V, xã L, huyện L, tỉnh V nên căn cứ theo quy định tại khoản 1 Điều 28; Điều 35; Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự, vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện L, tỉnh V.

Tại phiên tòa, chị Th là bị đơn vắng mặt lần hai không có lý do nên Hội đồng xét xử căn cứ khoản 2 Điều 227 và khoản 3 Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự xử vắng mặt bị đơn.

[2]. Về nội dung vụ án:

2.1 Quan hệ hôn nhân: Cuộc hôn nhân giữa anh Dương Văn M và chị Nguyễn Thị Th là cuộc hôn nhân hợp pháp xây dựng trên cơ sở tự nguyện, anh chị được gia đình tổ chức kết hôn, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân thị trấn Y, huyện Y. Quá trình chung sống vợ chồng đã xảy ra những mâu thuẫn bất đồng về quan điểm sống. Theo anh M, nguyên nhân mâu thuẫn vợ chồng là do chị Th không chịu làm ăn, vun vén kinh tế gia đình mà chị chỉ ở nhà chơi, anh đã khuyên bảo nhiều lần nhưng chị Th vẫn không thay đổi. Xét đề nghị của anh M Hội đồng xét xử thấy rằng: Mâu thuẫn vợ chồng giữa anh M và chị Th đã trầm trọng, mục đích hôn nhân không đạt được, vợ chồng không tìm được tiếng nói chung trong cuộc sống và đã ly thân một thời gian nhưng vẫn không hàn gắn được. Chị Th cố tình vắng mặt không đến Tòa án để giải quyết việc anh M có đơn xin ly hôn chị, như vậy phần nào thể hiện chị Th không có nguyện vọng và biện pháp hòa giải để vợ chồng về đoàn tụ. Do vậy đề nghị xin ly hôn của anh M là có căn cứ theo quy định tại khoản 1 Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình nên được chấp nhận.

2.2 Về con chung: Anh M xác nhận vợ chồng không có con chung, không đề nghị Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét.

2.3. Về tài sản chung, tài sản riêng, công nợ, công sức: Anh M không đề nghị giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[3]. Về án phí: Anh M phải chịu án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH

Căn cứ vào Điều 51, khoản 1 Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014; Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Xử chấp nhận đơn xin ly hôn của anh M, cho anh Dương Văn M được ly hôn chị Nguyễn Thị Th.

Về án phí: Anh Dương Văn M phải chịu 300.000đ (*Ba trăm nghìn đồng*) án phí Hôn nhân và gia đình sơ thẩm nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 300.000đ (*Ba trăm nghìn đồng*) theo biên lai số AA/2017/0007636 ngày 20 tháng 02 năm 2020 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Lập Thạch. Anh M đã nộp đủ án phí.

Trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, đương sự có mặt có quyền kháng cáo bản án, đương sự vắng mặt có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày giao nhận bản án hoặc niêm yết tại UBND nơi cư trú của người vắng mặt để yêu cầu Tòa án nhân dân tỉnh Vĩnh Phúc xét xử theo thủ tục phúc thẩm.

Nơi nhận:

- VKSND huyện L;
- THADS huyện L;
- UBND thị trấn Y;
- Đương sự;
- Lưu Hồ sơ, Văn phòng.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa

Đã ký và đóng dấu

Ngô Thị Minh Hiệp